

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST
Ngày 09-9-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thanh;

Bà Bùi Thu Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 698/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 768/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, trú tại: Thôn Q, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, trú quán: Thôn Q, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 5 năm 2020, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Chị Lê Thị T và anh Lê Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào

ngày 20 tháng 4 năm 2004. Quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận đến năm 2017 vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do anh T chơi bời, đua đòi bạn bè xấu, không chịu làm ăn, lo toan cho gia đình, vợ chồng thường hay cãi đánh nhau. Chị T và anh T sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay, chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh T. Về con chung: Chị T trình bày vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Minh A, sinh ngày 04 tháng 12 năm 2003 và Lê Tiến T, sinh ngày 17 tháng 5 năm 2012, hiện chị T đang nuôi dưỡng. Chị T đề nghị tiếp tục nuôi hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung chị T trình bày: Chị và anh T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập nhiều lần đến tòa án tham gia giải quyết vụ án nhưng anh Lê Văn T đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai của anh Lê Văn T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị T đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh T không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa là không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xử cho chị T được ly hôn anh T; về con chung: Giao 02 con chung là Lê Thị Minh A, sinh ngày 04 tháng 12 năm 2003 và Lê Tiến T, sinh ngày 17 tháng 5 năm 2012 cho chị T nuôi dưỡng và tạm hoãn việc anh T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung giữa chị T và anh T không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị T có đơn xin ly hôn anh T, hiện anh T cư trú tại: Thôn Q, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn là chị T có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn là anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, không có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị T và bị đơn anh T.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị T và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 20 tháng 4 năm 2004 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân do anh T chơi bời cờ bạc nợ nần nhiều, không chịu làm ăn, lo toan cho gia đình. Vợ chồng thường xảy ra cãi nhau. Từ năm 2017 chị T và anh T sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Chị T trình bày vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Minh A, sinh ngày 04 tháng 12 năm 2003 và Lê Tiến T, sinh ngày 17 tháng 5 năm 2012. Chị T đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét hiện chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, chị T có công việc và thu nhập ổn định nên giao 02 con cho chị T tiếp tục nuôi là phù hợp Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chị Lê Thị T được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao 02 con Lê Thị Minh A, sinh ngày 04 tháng 12 năm 2003 và Lê Tiến T, sinh ngày 17 tháng 5 năm 2012 cho chị Lê Thị T nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật. Tạm hoãn việc anh Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lê Thị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011404 ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Lê Thị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Lê Thị T và anh Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hải

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

(ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)